

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN N  
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **23/2021/HS-ST**  
Ngày: 04-02-2021.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N – TỈNH ĐỒNG NAI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Bùi Thị Thu Trang.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Lê Thị Kim Xuyên.
2. Bà Hoàng Thị Cát Phương.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thu là thư ký Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Đồng Nai.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Thành - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 02 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 145/2020/TLST-HS ngày 22 tháng 10 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 148/2020/QĐXXST-HS ngày 19 tháng 11 năm 2020; Thông báo về việc thay đổi thời gian xét xử số 01/TB-TA ngày 15/12/2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 32/2020/HSST-QĐ ngày 31/12/2020 và Thông báo về thời gian mở lại phiên tòa hình sự số 04/TB-TA ngày 26/01/2021 đối với các bị cáo:

1. **Vũ Đình Q**, sinh ngày 08/6/2003 tại tỉnh Đồng Nai.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp T, xã V, huyện N, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hoá (học vấn): 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: TH chúa giáo; Q tịch: Việt Nam; con ông Vũ Đình T và bà Nguyễn Thị TH; bị cáo chưa có vợ, con; Tiền án: Không; tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 20/6/2019, bị Công an thị xã P, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu ra Quyết định xử phạt hành chính bằng hình thức cảnh cáo về hành vi “ Trộm cắp tài sản”.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 23/4/2020 cho đến nay. Hiện đang tạm giam tại Nhà tạm giữ công an huyện N, tỉnh Đồng Nai. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. **Quách Văn H**, sinh năm 1989 tại tỉnh Đồng Nai.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp T1, xã V, huyện N, tỉnh Đồng Nai; nghề

nghề: Không; trình độ văn hoá (học vấn): 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Q tịch: Việt Nam; con ông Quách Văn H và bà Nguyễn Thị Mỹ C; Bị cáo có vợ là Huỳnh Thị H, sinh năm 1992 (đã ly hôn) và 02 con: lớn nhất sinh năm 2014 và nhỏ sinh năm 2018; Tiền án: Không; Tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 23/4/2020 cho đến nay. Hiện đang tạm giam tại Nhà tạm giữ công an huyện N, tỉnh Đồng Nai. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

**3. Huỳnh Huy K**, sinh năm 2001 tại tỉnh Đồng Nai.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp T1, xã V, huyện N, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hoá (học vấn): 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Q tịch: Việt Nam; con ông Huỳnh Văn T2 và bà Lê Thị S; Bị cáo chưa có vợ, con; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Ngày 28/12/2019 bị Tòa án nhân dân huyện N Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc thời gian 24 tháng.

Bị bắt tạm giam ngày 03/12/2020 theo Quyết định bắt và tạm giam của Tòa án nhân dân huyện N, hiện đang tạm giữ tại Nhà tạm giữ Công an huyện N, tỉnh Đồng Nai. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

**Người đại diện theo pháp luật cho bị cáo Vũ Đình Q** là ông Vũ Đình T, sinh năm 1979; địa chỉ: Ấp T, xã V, huyện N, tỉnh Đồng Nai (bố ruột bị cáo) và bà Nguyễn Thị TH, sinh năm 1983; địa chỉ: Ấp S, xã V, huyện N, tỉnh Đồng Nai (mẹ ruột bị cáo Q). Ông T có mặt tại phiên tòa.

**Người bào chữa cho bị cáo Q** là bà Bùi Thị H – Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước, sở tư pháp tỉnh Đồng Nai. Bà H vắng mặt tại phiên tòa, có đơn đề nghị vắng mặt ngày 03/02/2021.

***Các bị hại:***

1/ Anh Huỳnh Văn Q, sinh năm 1979.

Địa chỉ: Ấp T1, xã V, huyện N, tỉnh Đồng Nai.

2/ Chị Võ Thị Ngọc G, sinh năm 1987.

Địa chỉ: Ấp 3, xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai.

3/ Bà Trần Thị Thanh H, sinh năm 1980.

Địa chỉ: Ấp C, xã V, huyện N, tỉnh Đồng Nai.

4/ Chị Võ Ngọc Lam P, sinh năm 2004.

Đại diện theo pháp luật của chị P là: Bà Phạm Thị TH T – mẹ ruột chị P.

Cùng địa chỉ: Ấp B, xã P1, huyện N, tỉnh Đồng Nai.

(Anh Q, chị G, chị P và bà Trang vắng mặt tại phiên tòa, bà H có mặt tại phiên tòa).

***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án (vắng mặt):***

1/ Anh Trương Thanh S, sinh năm 1986.

Địa chỉ: Ấp B, xã P1, huyện N, tỉnh Đồng Nai.

2/ Chị Nguyễn Thị K – di ruột bị cáo Q.

Địa chỉ: Ấp T, xã V, huyện N, tỉnh Đồng Nai.

3/ Anh Phan Minh H, sinh năm 1980.

Địa chỉ: Ấp 3, xã L, huyện N, tỉnh Đồng Nai.

4/ Bà Nguyễn Thị TH, sinh năm 1983.

Địa chỉ: Ấp S, xã V, huyện N, tỉnh Đồng Nai.

5/ Anh Nguyễn Hoàng Thanh TH, sinh ngày 27/8/2006.

Đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Thị Hoàng Y – mẹ ruột

Địa chỉ: Ấp S, xã V, huyện N, tỉnh Đồng Nai.

6/ Nguyễn Đức N, sinh ngày 11/12/2003.

Địa chỉ: Ấp T, xã V, huyện N, tỉnh Đồng Nai.

Đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Duy T.

Cùng địa chỉ: Ấp S, xã V, huyện N, tỉnh Đồng Nai.

7/ Bà Lê Thái H, sinh năm 1960.

Địa chỉ: Ấp PL, xã Đ, huyện N, tỉnh Đồng Nai.

8/ Bà Trương TH T, sinh năm 1987.

Địa chỉ: Ấp PL, xã Đ, huyện N, tỉnh Đồng Nai.

9/ Bà Nguyễn Thị Ngọc G, sinh năm 1980.

Địa chỉ: Ấp 2, xã P2, huyện N, tỉnh Đồng Nai.

10/ Anh Châu Hồng Đ, sinh năm 1987.

Địa chỉ: Ấp T1, xã V, huyện N, tỉnh Đồng Nai

11/ Lý Huỳnh Đ, sinh năm 2000.

Địa chỉ: Ấp T, xã V, huyện N, tỉnh Đồng Nai.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 09 giờ ngày 19/7/2019, Vũ Đình Q rủ Nguyễn Hoàng Thanh TH, sinh ngày 27/8/2006, ngụ tại ấp S, xã V, huyện N tìm người có sơ hở để trộm cắp bán lấy tiền tiêu xài, TH đồng ý. Khi Q và TH đi bộ đến nhà bà Trần Thị Thanh H, sinh năm 1980, ngụ tại ấp C, xã V, huyện N, Q thấy nhà bà H không khóa cửa cổng nên nói TH đứng ngoài cảnh giới, còn Q mở cổng và lên vào nhà bà H lục tìm trộm cắp tài sản. Tại nhà bà H, Q lục được 01 bịch màu nylon màu đen bên trong có chứa 01 sợi dây chuyền vàng loại 23K trọng lượng 06 chỉ; 01 bộ vòng ximen trọng lượng 14K trọng lượng 6,5 chỉ; 01 cái vòng vàng đeo tay 14K trọng lượng 5,3 chỉ. Sau khi trộm cắp tài sản trên thì Q đi ra ngoài nhưng không thấy TH do TH đã bỏ về trước. Q đi bộ về nhà Huỳnh Huy K ở ấp T1, xã V, huyện N. Tại nhà Khoa, Q nói cho K biết số tài sản trên do Q trộm cắp mà có và đưa cho K cất giấu vào gối ôm trong phòng ngủ của K.

Khoảng 16 giờ cùng ngày, Nguyễn Đức N, sinh ngày 11/12/2003 ngụ tại ấp S, xã V điều khiển xe mô tô không rõ biển số chở 01 người thanh niên tên P không rõ nhân thân đến nhà K chơi. Tại đây, Q nhờ N điều khiển xe mô tô chở Q đến tiệm vàng T ở ấp PL, xã Đ, huyện N do bà Lê Thái H, sinh năm 1960 làm chủ để bán số vàng trộm cắp được. Nhân chở Q đi nhưng không biết số vàng đó do Q trộm cắp mà có. Do bà H không biết 01 sợi dây chuyền vàng loại 23K trọng lượng 06 chỉ; 01 bộ vòng ximen trọng lượng 14K trọng lượng 6,5 chỉ; 01 cái vòng vàng đeo tay 14K trọng lượng 5,3 chỉ trên do trộm cắp mà có nên đồng ý mua với giá 38.000.000 đồng. Sau khi bán vàng, Q mua lại của bà H 01 sợi dây chuyền giá 8.500.000 đồng, cho N 600.000 đồng, chia cho K 10.000.000 đồng còn lại 18.900.000 đồng Q tiêu xài hết.

Tại Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện N bà H khai tài sản bị chiếm đoạt là 01 cây vàng Y, 08 chỉ vàng Y, 01 sợi dây chuyền vàng Y, 02 bộ vòng ximen, 01 lắc vàng 18K nhưng Q chỉ thừa nhận trộm cắp tài sản của bà H là 01 sợi dây chuyền vàng loại 23K trọng lượng 06 chỉ; 01 bộ vòng ximen trọng lượng 14K trọng lượng 6,5 chỉ; 01 cái vòng vàng đeo tay 14K trọng lượng 5,3 chỉ. Kết quả điều tra chỉ chứng minh được Q đã trộm cắp được 01 sợi dây chuyền vàng loại 23K trọng lượng 06 chỉ; 01 bộ vòng ximen trọng lượng 14K trọng lượng 6,5 chỉ; 01 cái vòng vàng đeo tay 14K trọng lượng 5,3 chỉ, không chứng minh được bà H mất 01 cây vàng Y, 08 chỉ vàng Y, 01 sợi dây chuyền vàng Y, 02 bộ vòng ximen, 01 lắc vàng 18K nên cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện N tiếp tục điều tra làm rõ xử lý sau.

Tại Kết luận định giá tài sản số: 249/KLĐG-HĐĐG ngày 18/11/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện N kết luận: 01 sợi dây chuyền vàng loại 23K trọng lượng 06 chỉ; 01 bộ vòng ximen trọng lượng 14K trọng lượng 6,5 chỉ; 01 cái vòng vàng đeo tay 14K trọng lượng 5,3 chỉ; trị giá: 53.950.000 đồng.

Khoảng 12 giờ ngày 17/10/2019, Q điều khiển xe mô tô biển số 81AR-01026 của chị Nguyễn Thị TH (mẹ của Q) đi tìm người có sơ hở để trộm cắp tài sản. Khi đến nhà chị Võ Thị Ngọc G, sinh năm 1987 ngụ tại ấp 3, xã P, huyện N, Q thấy bà Nguyễn Thị Kim N – mẹ chị G và cháu Trịnh Võ Phương T – sinh năm 2007 – con chị G đang ngủ trong nhà nhưng không khóa cửa nên Q nảy sinh ý định trộm cắp tài sản. Q lẻn vào nhà lấy 01 điện thoại di động Samsung A10, màu đen của chị G đang sạc ở trên bàn thờ ông địa tại phòng khách. Sau đó, Q đem điện thoại đi đến tiệm điện thoại M thuộc ấp 3, xã L do anh Phạm Minh H, sinh năm 1980 làm chủ bán với giá 700.000 đồng. Anh H không biết điện thoại do Q trộm cắp mà có, anh H đã bán điện thoại đó cho khách vắng lai, còn số tiền 700.000 đồng Q đã tiêu xài hết.

Tại Kết luận định giá tài sản số: 218/KLĐG-HĐĐG ngày 28/10/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện N kết luận: 01 điện thoại di động hiệu Samsung A10, màu đen có giá trị sử dụng còn lại 80%, có trị giá là 2.480.000 đồng.

Vào lúc 23 giờ 30 phút ngày 28/10/2019, Q đi xe đạp của Nguyễn Thị K là dì ruột của Q tìm người có tài sản sơ hở để trộm cắp. Khi đến quán H do anh Huỳnh Văn Q, sinh năm 1979 làm chủ thuộc ấp H, xã V thấy không có người trông coi quán

nên Q đã nảy sinh ý định trộm cắp. Q trèo lên hàng rào bể camera công quán và lên vào bên trong quầy pha chế. Tại đây, Q thấy có 02 camera đang hoạt động nên lấy 03 cái khăn có sẵn tại quầy, 01 cái Q dùng để che mặt Q, 02 cái còn lại dùng để che camera. Sau đó, Q đến quầy tính tiền của quán lấy trộm 01 máy tính Dell và 70.000 đồng. Hôm sau, Q đưa máy tính Dell cho Huỳnh Huy K để cầm nhưng K không biết đây là tài sản do Q trộm cắp mà có nên K đưa máy tính đến nhà anh Trương Thanh S, sinh năm 1986 ngụ tại ấp B, xã P1 cầm cho S lấy 02 tép ma túy. Anh S không biết đây là tài sản trộm cắp mà có nên đưa 02 tép ma túy cho K đem về và cùng Q sử dụng hết.

Tại kết luận định giá số 230/ KLĐG-HĐĐG ngày 05/11/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện N kết luận: 01 máy tính xách tay hiệu Dell, giá trị sử dụng còn lại 80%, có trị giá 8.000.000 đồng.

Đến 19 giờ ngày 25/02/2020, tại nhà Quách Văn H thuộc ấp T1, xã V, huyện N, Q nói với Hồ tối nay Q đi tìm người có tài sản sơ hở để trộm cắp bán lấy tiền đưa cho Hồ tiêu xài, Hồ đồng ý. Đến khoảng 23 giờ cùng ngày, Hồ gọi Q dậy để Q đi trộm cắp tài sản. Q điều khiển xe mô tô hiệu Honda cup không rõ biển số của anh Lý Huỳnh Đ đi đến nhà ông Phạm Đình K thuộc ấp B, xã P1 thì thấy cửa sổ bên hông nhà ông K mở. Q trèo qua hàng rào và tiến lại phía cửa sổ, chui vào nhà ông K. Q lên vào phòng ngủ trong nhà thì thấy chị Võ Ngọc Lam P, sinh năm 2004 đang nằm ngủ. Q lên vào phòng chị P lấy trộm 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6 màu vàng và 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6 Plus màu vàng. Q tiếp tục lục mở hộc tủ trong buồng chị P trộm 01 hộp làm bằng khung sắt quán bằng vải màu hồng bên trong chứa 01 đôi bông tai vàng 18k trọng lượng 01 chỉ, 01 chiếc lắc tay có mặt hình chữ G vàng 18K trọng lượng 02 chỉ, 02 chiếc vòng tay vàng 18K trọng lượng 03 chỉ, 11.000.000 đồng và 01 bóp da màu nâu. Sau đó, Q đem tài sản trộm cắp được đưa cho H, H đưa lại cho Q 2.000.000 đồng và 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6 màu vàng, còn lại Hồ hưởng.

Tại kết luận định giá số 76/ KLĐG-HĐĐG ngày 23/03/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện N kết luận:

+ 01 chiếc điện thoại di động hiệu Iphone 6 màu vàng, giá trị sử dụng còn lại 60%, có trị giá là 1.800.000 đồng;

+ 01 chiếc điện thoại di động hiệu Iphone 6 Plus màu vàng, giá trị sử dụng còn lại 20%, có trị giá là 1.800.000 đồng;

+ 01 đôi bông tai vàng 18K trọng lượng 01 chỉ có trị giá: 3.650.000 đồng;

+ 01 chiếc lắc tay có mặt hình chữ G vàng 18K trọng lượng 02 chỉ có trị giá là 7.250.000 đồng;

+ 02 chiếc vòng tay vàng 18K trọng lượng 03 chỉ có trị giá 10.800.000 đồng;

+ 01 bóp da màu nâu, giá trị sử dụng còn lại là 80%, có trị giá 180.000 đồng.

Tổng tài sản định giá là 25.460.000 đồng.

Sau khi vụ việc xảy ra, gia đình Quách Văn H đã bồi thường cho chị Võ Ngọc Lam P số tiền 20.000.000 đồng theo thỏa thuận, chị P và gia đình không yêu cầu H bồi thường thêm và có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho H.

Tang vật thu giữ gồm:

+ 01 máy tính xách tay hiệu Dell của anh Huỳnh Phước Q đã trả lại cho anh Huỳnh Phước Q.

+ 01 xe mô tô biển số 81AR-01026 của bà Nguyễn Thị TH (mẹ bị cáo Q) đã trả lại cho bà Thảo;

+ 01 xe đạp màu bạc hiệu ASAMA của bà Nguyễn Thị K (đi bị cáo Q) đã trả lại cho bà K ;

+ 01 điện thoại di động hiệu Vivo màu đen của Vũ Đình Q;

+ 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6 màu vàng; 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6 Plus màu vàng của chị Võ Ngọc Lam P đã trả lại cho chị P.

- Số tiền 10.000.000 đồng của Huỳnh Huy K và 600.000 đồng của Nguyễn Đức N giao nộp để khắc phục hậu quả

Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa, bị hại bà Trần Thị Thanh H yêu cầu người đại diện theo pháp luật của bị cáo Q là ông Vũ Đình T- cha ruột bị cáo phải bồi thường thiệt hại về tài sản cho bà là 43.350.000 đồng, sau khi đã trừ đi số tiền 10.000.000 đồng bị cáo K đã giao nộp và 600.000 đồng do Nguyễn Đức N giao nộp. Người đại diện theo pháp luật của bị cáo Q là ông Vũ Đình T đồng ý bồi thường số tiền 43.350.000 đồng cho bà H.

Bị hại chị Võ Thị Ngọc G vắng mặt tại phiên tòa, dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ. Tuy nhiên, tại hồ sơ vụ án bị hại Giàu yêu cầu bị cáo và người đại diện theo pháp luật của bị cáo bồi thường cho bị hại theo quy định pháp luật. Tại phiên tòa, ông Vũ Đình T đồng ý bồi thường cho chị G số tiền 2.480.000 đồng.

Các bị hại anh Huỳnh Văn Q; chị Võ Ngọc Lam P, có đại diện bà Phạm Thị Thùy T không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường thiệt hại về tài sản do anh Q đã nhận lại được tài sản đã mất, chị P đã được gia đình bị cáo Quách Văn H bồi thường số tiền 20.000.000 đồng, chị P và đại diện theo pháp luật của chị P không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường thêm nên không đặt ra xem xét.

Tại bản cáo trạng số 87/CT.VKS-NT ngày 10/7/2020, Viện kiểm sát nhân dân huyện N đã truy tố bị cáo Vũ Đình Q về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173; bị cáo Quách Văn H về tội “ Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 và bị cáo Huỳnh Huy K về tội “ Chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có” theo khoản 1 Điều 323 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo; người đại diện theo pháp luật cho bị cáo Q, người bào chữa cho bị cáo Q và các bị hại, người đại diện theo pháp luật cho bị hại không ai có ý kiến hay khiếu nại gì về kết quả định giá của Hội đồng định giá nêu trên.

Các bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình phù hợp với các tình tiết và chứng cứ đã thu thập được trong hồ sơ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Đồng Nai giữ nguyên bản cáo trạng đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; 38; 91; 101 BLHS xử phạt bị cáo Vũ Đình Q từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù.

- Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm b, i, s khoản 1 Điều 51, Điều 17; 38 BLHS (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017), xử phạt bị cáo Quách Văn H từ 08 đến 10 tháng tù. Xử phạt bị cáo H bằng thời hạn tạm giam, không cần tiếp tục cách ly bị cáo ra khỏi xã hội cũng đủ sức giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung.

- Áp dụng khoản 1 Điều 323; điểm b; i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; 38 BLHS đã được sửa đổi bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Huỳnh Huy K từ 08 đến 10 tháng tù.

- Về trách nhiệm dân sự: Buộc đại diện hợp pháp của bị cáo Q, ông Vũ Đình T phải bồi thường cho bà Trần Thị Thanh H số tiền 43.950.000 đồng; ông Vũ Đình T phải bồi thường cho chị Võ Thị Ngọc G số tiền 2.480.000 đồng.

Về biện pháp tư pháp: Đề nghị tiếp tục tạm giữ 01 điện thoại di động hiệu Vivo màu đen của Vũ Đình Q để đảm bảo thi hành án. ( Vật chứng đang được tạm giữ tại chi cục thi hành án dân sự huyện N theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 15/7/2020)

Sau khi nghe xong bản luận tội, các bị cáo; bị hại và đại diện theo pháp luật của bị cáo Q không có ý kiến gì đối về quyết định truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện N.

Lời nói sau cùng của các bị cáo tại phiên tòa: Các bị cáo đều xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

Ý kiến của người bào chữa cho bị cáo Q (kèm theo bản luận cứ bào chữa): Về tội danh, hành vi phạm tội của bị cáo Q đã được Cơ quan cảnh sát điều tra làm rõ, người bào chữa thống nhất về tội danh mà Viện kiểm sát nhân dân huyện N đã truy tố đối với bị cáo Q theo điểm c khoản 2 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015, đã được sửa đổi bổ sung năm 2017. Đề nghị Hội đồng xét xử khi xét xử xem xét đánh giá động cơ, mục đích, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, xem xét điều kiện hoàn cảnh của bị cáo; đặc điểm nhân thân của bị cáo là người chưa thành niên phạm tội để áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 91; 101 Bộ luật hình sự năm 2015, đã được sửa đổi bổ sung năm 2017 để cho bị cáo Q mức hình phạt thấp nhất, phù hợp với hành vi phạm tội gây ra, cho bị cáo được hưởng sự khoan hồng của pháp luật, tạo điều kiện cho bị cáo tu sửa, trở T dân có ích cho xã hội.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện N, Viện kiểm sát nhân dân huyện N, của Điều tra viên và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, bị hại không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành

tổ tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của các bị cáo: Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đều đã khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với lời khai của các bị hại, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án và các tài liệu chứng cứ thu thập được có tại hồ sơ vụ án, cụ thể:

**Vụ thứ 1:** Ngày 19/7/2019 Vũ Đình Q rủ Nguyễn Hoàng Thanh TH tại ấp S, xã V tìm người có sơ hở để trộm cắp tài sản lấy tiền tiêu xài. Khi đi đến nhà bà Trần Thị Thanh H, sinh năm 1980, tại ấp C, xã V thấy nhà bà H không khóa cổng nên Q mở cổng và lên vào phòng ngủ nhà bà H lục được 01 bịch màu nylon màu đen bên trong có chứa 01 sợi dây chuyền vàng loại 23K trọng lượng 06 chỉ; 01 bộ vòng ximen trọng lượng 14K trọng lượng 6,5 chỉ; 01 cái vòng vàng đeo tay 14K trọng lượng 5,3 chỉ. Khi trộm xong ra ngoài không thấy TH nên Q về nhà Huỳnh Huy K cất giấu. Kết luận định giá tài sản số: 249 ngày 18/11/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện N kết luận: 01 sợi dây chuyền vàng loại 23K trọng lượng 06 chỉ; 01 bộ vòng ximen trọng lượng 14K trọng lượng 6,5 chỉ; 01 cái vòng vàng đeo tay 14K trọng lượng 5,3 chỉ; trị giá: 53.950.000 đồng.

**Vụ thứ 2:** Khoảng 12h ngày 17/10/2019 Q điều khiển xe mô tô biển số 81 AR-01026 của chị Nguyễn Thị TH (mẹ Q) đi tìm ai có sơ hở để trộm cắp tài sản, khi đến nhà chị Võ Thị Ngọc G tại ấp 3, xã P, huyện N thấy bà Nguyễn Thị Kim N và cháu Võ Phương T ngủ quên khóa cửa nên Q lên vào nhà trộm cắp 01 chiếc điện thoại động hiệu Sam Sung A10. Kết luận định giá tài sản số: 218/KLĐG-HĐĐG ngày 28/10/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện N kết luận: 01 điện thoại di động hiệu Samsung A10, màu đen có giá trị sử dụng còn lại 80%, có trị giá là 2.480.000 đồng.

**Vụ thứ 3:** Khoảng 23h 30phút ngày 28/10/2019 Q đi xe đạp của chị Nguyễn Thị K (dì ruột Q) tìm người có sơ hở để trộm cắp tài sản. Khi đến quán H do anh Huỳnh Văn Q làm chủ thuộc ấp H, xã V, huyện N thấy không có người trông coi nên Q leo hàng rào bẻ camera công và vào phòng phòng pha chế trộm 01 máy tính hiệu Dell. Kết luận định giá số 230/ KLĐG-HĐĐG ngày 05/11/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện N kết luận: 01 máy tính xách tay hiệu Dell, giá trị sử dụng còn lại 80%, có trị giá 8.000.000 đồng.

**Vụ thứ 4:** Khoảng 19h ngày 25/2/2020, tại nhà Quách Văn H ở xã V, huyện N, Q nói với H tối nay Q đi tìm nhà ai sơ hở để trộm cắp tài sản bán lấy tiền đưa cho H tiêu xài. Đến khoảng 23h cùng ngày H gọi Q dậy để đi trộm cắp tài sản, Q điều khiển xe mô tô hiệu Honda cúp (không rõ biển số) đến ấp B, xã P1, huyện N thấy cửa sổ bên hông nhà ông K đang mở, Q trèo hàng rào vào phòng ngủ lấy trộm 1 chiếc điện thoại hiệu Iphon 6 Plus màu vàng, 01 đôi bông tai vàng 18k trọng lượng 01 chỉ, 01 chiếc lắc tay có mặt chữ G vàng 18k trọng lượng 02 chỉ, 02 chiếc vòng tay vàng 18k trọng lượng 03 chỉ, 11.000.000đ và 01 bóp da màu nâu.

Kết luận định giá số 76/ KLĐG-HĐĐG ngày 23/03/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện N kết luận:



+ 01 chiếc điện thoại di động hiệu Iphone 6 màu vàng, giá trị sử dụng còn lại 60%, có trị giá là 1.800.000 đồng;  
+ 01 chiếc điện thoại di động hiệu Iphone 6 Plus màu vàng, giá trị sử dụng còn lại 20%, có trị giá là 1.800.000 đồng;  
+ 01 đôi bông tai vàng 18K trọng lượng 01 chỉ có trị giá: 3.650.000 đồng;  
+ 01 chiếc lắc tay có mặt hình chữ G vàng 18K trọng lượng 02 chỉ có trị giá là 7.250.000 đồng;  
+ 02 chiếc vòng tay vàng 18K trọng lượng 03 chỉ có trị giá 10.800.000 đồng;  
+ 01 bóp da màu nâu, giá trị sử dụng còn lại là 80%, có trị giá 180.000 đồng.  
Tổng tài sản định giá là 25.460.000 đồng. Tổng số tiền bị cáo Q và H chiếm đoạt của bị hại là 36.460.000 đồng.

Bị cáo Vũ Đình Q là người khởi xướng và thực hiện tích cực các hành vi phạm tội; bị cáo Q tham gia 04 vụ trộm cắp tài sản vào các ngày 19/7/2019; 17/10/2019; 28/10/2019 và 25/02/2020 với tổng số giá trị tài sản bị chiếm đoạt là 100.890.000 đồng. Bị cáo Quách Văn H là đồng phạm giúp sức cho bị cáo Q tham gia vào vụ trộm cắp tài sản ngày 25/02/2020 với giá trị tài sản bị chiếm đoạt là 36.460.000 đồng; bị cáo Huỳnh Huy K là người thực hiện hành vi chứa chấp tài sản do Q trộm cắp mà có vào ngày 19/7/2019 với giá trị tài sản bị chiếm đoạt là 53.950.000 đồng.

Như vậy, hành vi của bị cáo Vũ Đình Q đã có đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017); bị cáo Quách Văn H đã có đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017); bị cáo Huỳnh Huy K phạm tội “Chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có” theo khoản 1 Điều 323 BLHS như Cáo trạng mà Viện kiểm sát nhân dân huyện N đã truy tố là đúng người, đúng tội và đúng quy định của pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ phạm tội của các bị cáo: Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của cá nhân được pháp luật bảo vệ, gây mất an ninh trật tự tại địa phương.

Các bị cáo nhận thức rõ được việc chiếm đoạt tài sản của người khác, chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có là vi phạm pháp luật nhưng do muốn có tiền để tiêu xài cá nhân nên đã thực hiện hành vi phạm tội bất chấp hậu quả xảy ra. Điều đó chứng tỏ ý thức coi thường pháp luật của các bị cáo. Vì vậy, cần áp dụng các quy định của Bộ luật hình sự xử lý nghiêm, quyết định mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ của hành vi phạm tội của các bị cáo.

[4] Về vai trò đồng phạm của các bị cáo trong vụ án: Như đã phân tích trên, trong 04 vụ trộm cắp tài sản thì bị cáo Q và H là đồng phạm trong 01 vụ án trộm cắp ngày 25/02/2020. Bị cáo Q là người khởi xướng, thực hiện hành vi trộm cắp một mình nên giữ vai trò chính, bị cáo H là đồng phạm, đánh thức bị cáo Q dậy đêm khuya để đi trộm cắp tài sản và tiêu xài tiền do bị cáo Q trộm cắp có được. Còn bị cáo K là người chứa chấp tài sản do bị cáo Q trộm cắp mà có trong vụ trộm ngày 19/7/2019.

Từ những phân tích, nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy cần phải áp dụng hình phạt tù có thời hạn để cách ly các bị cáo ra ngoài xã hội một thời gian mới đủ tác dụng cải tạo, răn đe và phòng ngừa chung. Hội đồng xét xử xét thấy, bị cáo Q là chủ mưu, thực hiện 04 vụ trộm cắp nên có mức hình phạt cao, tương ứng với mức độ và hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện. Bị cáo H và K, thực hiện 01 hành vi phạm tội do đó xét xử 02 bị cáo mức hình phạt tương ứng phù hợp với hành vi phạm tội của các bị cáo.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Q đã thực hiện hành vi phạm tội 04 lần nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017). Bị cáo H và K đã khắc phục một phần hậu quả xảy ra ; đồng thời phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ theo điểm b, i khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015; được sửa đổi bổ sung năm 2017.

Riêng bị cáo Q thực hiện hành vi phạm tội khi chưa đủ 18 tuổi nên được áp dụng các Điều luật quy định tại chương XII, Bộ luật hình sự năm 2015; được sửa đổi bổ sung năm 2017.

[7] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 và khoản 5 Điều 323 của Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) thì người phạm tội có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản. Tuy nhiên, xét thấy bị cáo Q phạm tội khi chưa đủ 18 tuổi, bị cáo K và H không có tài sản riêng nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 46, Điều 48 Bộ luật hình sự năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017); Điều 584, 585, 586; 589 Bộ luật dân sự năm 2015 buộc ông Vũ Đình T phải bồi thường thiệt hại về tài sản cho bà Trần Thị Thanh H số tiền 43.350.000 đồng và buộc ông Vũ Đình T phải bồi thường thiệt hại về tài sản cho bà Võ Thị Ngọc G số tiền 2.480.000 đồng

[9] Về biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 46, Điều 48 Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017 và điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, Hội đồng xét xử xét thấy cần: Trả cho bị cáo Q 01 điện thoại di động hiệu Vivo màu xanh đen do không liên quan đến việc thực hiện hành vi phạm tội.

( Vật chứng hiện đang tạm giữ tại chi cục thi hành án dân sự huyện N theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 15/7/2020 tại chi cục Thi hành án dân sự huyện N).

[10] Đối với Nguyễn Hoàng Thanh TH, sinh ngày 27/8/2006, do khi thực hiện

hành vi phạm tội TH chưa đủ 14 tuổi nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện N không khởi tố xử lý TH là phù hợp với quy định của pháp luật.

Đối với Nguyễn Đức N, sinh ngày 11/12/1003, có hành vi chở Q đi bán vàng, N không biết đây là tài sản do Q phạm tội mà có, hơn nữa khi thực hiện hành vi chở Q đi bán vàng N chưa đủ 16 tuổi nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện N không khởi tố xử lý TH là phù hợp với quy định của pháp luật.

Đối với hành vi Q đưa máy tính Dell cho Huỳnh Huy K để K đưa máy tính đến nhà anh Trương Thanh S cầm 02 tép ma túy về cùng nhau sử dụng. K không biết máy tính Q đem đi cầm là tài sản trộm cắp mà có vì Q nói là máy tính của Q, mặt khác chỉ dựa vào lời khai của K và S, ma túy không thu giữ được, không có chứng cứ nào khác để kết luận nên cơ quan Cảnh sát điều tra công an huyện N tiếp tục tách ra làm rõ xử lý sau.

Đối với các tài sản là:

+ 01 máy tính xách tay hiệu Dell của anh Huỳnh Phước Q đã trả lại cho anh Huỳnh Phước Q là phù hợp.

+ 01 xe mô tô biển số 81AR-01026 của bà Nguyễn Thị TH (mẹ bị cáo Q) đã trả lại cho bà Thảo là phù hợp.

+ 01 xe đạp màu bạc hiệu ASAMA của bà Nguyễn Thị K (đi bị cáo Q) đã trả lại cho bà K là phù hợp.

+ 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6 màu vàng; 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6 Plus màu vàng của chị Võ Ngọc Lam P đã trả lại cho chị P là phù hợp.

- Số tiền 10.000.000 đồng của Huỳnh Huy K và 600.000 đồng của Nguyễn Đức N giao nộp để khắc phục hậu quả, đã giao trả cho bà Trần Thị Thanh H là phù hợp.

[11] Về án phí hình sự sơ thẩm: Mỗi bị cáo phải chịu là 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng).

Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Vũ Đình T phải chịu 2.291.500 đồng án phí dân sự sơ thẩm;

[12] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N và luận cứ bào chữa của người bào chữa cho bị cáo Q phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

1.1 Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 38; Điều 91; Điều 101 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017); Khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

- Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Vũ Đình Q phạm tội “Trộm cắp tài sản”.
- Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Vũ Đình Q 02(hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 23/4/2020.

1.2 Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b; i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017); Khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Q hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

- Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Quách Văn H phạm tội “ Trộm cắp tài sản”.
- Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Quách Văn H 09 (chín) tháng 12 (mười hai) ngày tù. Thời hạn tù tính từ ngày 23/4/2020.
- Áp dụng khoản 5 Điều 328 Bộ luật tố tụng hình sự: Tuyên bố trả tự do ngay tại phiên tòa cho bị cáo Quách Văn H nếu bị cáo không bị tạm giam về một tội phạm khác.

1.3 Áp dụng khoản 1 Điều 323; điểm b; i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017); Khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Q hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

- Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Huỳnh Huy K phạm tội “ Chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có”.
- Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Huỳnh Huy K 09 (chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt 03/12/2020.

2. Về trách nhiệm hình sự: Áp dụng Điều 46, Điều 48 Bộ luật hình sự năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017); Điều 584, 585, 586; 589 Bộ luật dân sự năm 2015 buộc ông Vũ Đình T phải bồi thường thiệt hại cho bà Trần Thị Thanh H số tiền 43.350.000 đồng (bốn mươi ba triệu, ba trăm năm mươi nghìn đồng) và buộc ông Vũ Đình T phải bồi thường thiệt hại cho bà Võ Thị Ngọc G số tiền 2.480.000 đồng (hai triệu, bốn trăm tám mươi nghìn đồng).

3. Về biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 46, Điều 48 Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017 và điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, Hội đồng xét xử tuyên: Trả cho bị cáo Q 01 điện thoại di động hiệu Vivo màu xanh đen do không liên quan đến việc thực hiện hành vi phạm tội.

( Vật chứng hiện đang tạm giữ tại chi cục thi hành án dân sự huyện N theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 15/7/2020 tại chi cục Thi hành án dân sự huyện N).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án không thi hành khoản tiền trên thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh

toán. Lãi suất chậm trả được thực hiện theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự

#### 4. Về án phí:

4.1: Về án phí hình sự sơ thẩm: Mỗi bị cáo Q, H, K phải chịu là 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4.2: Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Vũ Đình T phải chịu 2.291.500 đồng (hai triệu, hai trăm chín mươi một nghìn, năm trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, các bị hại; đại diện theo pháp luật của bị cáo Q có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bào chữa cho bị cáo Q; các bị hại; người đại diện theo pháp luật của bị hại; người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án; đại diện theo pháp luật của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

#### **Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện N;
- Công an huyện N;
- Chi cục THA dân sự H. N;
- Các bị cáo;
- Người đại diện theo pháp luật của bị cáo;
- Các bị hại;
- Người đại diện theo pháp luật của bị hại;
- Người bào chữa;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Người đại diện theo pháp luật của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Bùi Thị Thu Trang**